

Bản tin chứng khoán

Trong số này

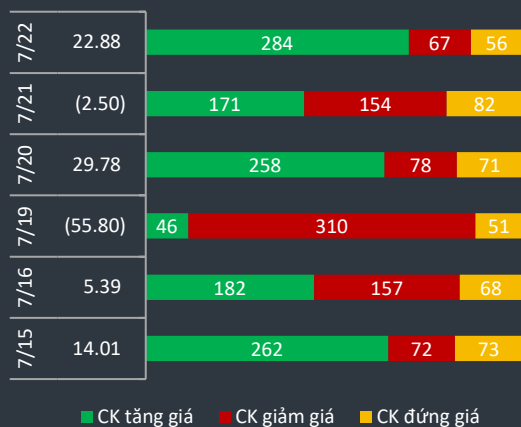
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VNM	51.78
NVL	46.51
DXG	44.49
FUEVFNVD	42.80
VHM	36.41
VCB	27.80
VRE	25.41
E1VFN30	19.98
BMI	(23.16)
PDR	(32.82)
HPG	(36.15)
CTG	(50.89)
SSI	(53.43)
MSB	(92.04)
KDH	(130.40)
VIC	(450.39)

Thị trường trong ngày chỉ do dự một khoảng thời gian đầu giờ giao dịch sau đó tăng dần và bùng nổ vào phiên chiều. Toàn thị trường cuối phiên có đến 307 mã xanh so với 83 mã giảm. Hầu hết các ngành đều tăng điểm nhưng động lực chính đến từ nhóm dầu khí và bất động sản đầu tiên. Các cổ phiếu liên quan dầu khí BSR, PVD, GAS, PVS có mức tăng trung bình trên 3%. Ngoài ra sự đóng góp của nhóm Vingroup với bộ ba VHM, VIC, VRE tăng gần 3% cũng góp phần đẩy chỉ số Index bức phá hơn 22 điểm cuối phiên.

Nhóm bất động sản cũng đáng chú ý ngoài Vingroup có SCR, KDH, CRE, DXG, DIG, GVR, LDG đều tăng từ 4% - 6%. Nhóm bán lẻ vẫn duy trì giá tốt hơn DGW, PET, FRT và MWG cũng xanh nhẹ trở lại.

Nhóm ngân hàng đều tăng điểm nổi bật là nhóm ngân hàng nhỏ và trung bình SSB, EIB, BVB, NVB tăng 3.5%. OCB tăng 2.7%. Nhóm ngân hàng lớn MBB, TCB, VCB, CTG tăng khoảng 1.5%. Khối ngoại mua nhiều MBB, VCB, trong khi bán ra nhiều hơn ở các mã CTG, HDB, BID, LPB. Tính chung cả thị trường trong ngày khối ngoại bán ròng hơn 500 tỷ đồng chủ yếu là các mã VIC, KDH, CTG, SSI, HPG, MSB, BMI.

Trong ngày, Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) vừa công bố báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021 với những kết quả tích cực. Lũy kế 6 tháng đầu năm, tổng thu nhập hoạt động của OCB đạt 4.249 tỷ đồng, tăng 18,6% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, thu nhập lãi thuần của Ngân hàng tăng 21,6%, đạt 2.800 tỷ nhờ biên lãi suất NIM liên tục duy trì ở mức cao 3,86% theo định hướng bán lẻ, cho vay tiêu dùng và cơ cấu tài sản đầu tư chủ động phù hợp với diễn biến thị trường.

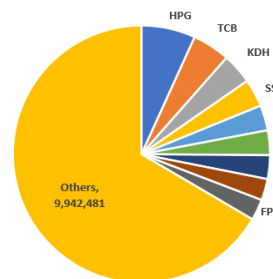
Lợi nhuận trước thuế của Ngân hàng tăng trưởng 42,7% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 2.661 tỷ đồng và tương đương 48% kế hoạch năm. Ngày 3/8 tới đây OCB sẽ chốt danh sách cổ đông phát hành gần 274 triệu cổ phiếu trả cổ tức năm 2020. Tỷ lệ phát hành 25%, tương ứng cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận về 25 cổ phiếu mới.

Vnindex 1,293.67

▲ +22.88 (+1.8%)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
BCM	41.5	2,700	6.96
GVR	31.5	1,300	4.30
FPT	89.4	2,800	3.23
VRE	28.2	800	2.92
VHM	111.0	3,000	2.78
BVH	50.8	1,300	2.63
GAS	89.4	2,000	2.29
TPB	33.9	750	2.27
VIC	106.2	2,200	2.12
PNJ	93.1	1,900	2.08
CTG	33.5	650	1.98
PDR	90.1	1,700	1.92
PLX	50.9	900	1.80
VNM	86.8	1,500	1.76
NVL	104.9	1,800	1.75
TCB	51.1	800	1.59
VIB	41.7	600	1.46
SSI	52.2	700	1.36
VCB	100.3	1,300	1.31
MBB	28.4	350	1.25
REE	52.8	600	1.15
MWG	165.2	1,800	1.10
POW	10.4	100	0.98
HPG	47.2	450	0.96
ACB	34.1	300	0.89
VPB	60.8	500	0.83
HVN	25.2	200	0.80
BID	41.0	300	0.74
MSN	122.9	900	0.74
HDB	32.4	200	0.62
DHG	93.5	500	0.54
STB	28.0	150	0.54
VJC	114.0	-	-
SAB	156.3	(500)	(0.32)

Sau phiên hôm nay chỉ số Vnindex đã tiến gần sát ngưỡng 1300. Như vậy qua 3 phiên thị trường đã hồi phục khoảng gần 70 điểm kể từ vùng đáy 1225 cách đây 2 ngày. Trong vài phiên gần đây chỉ số có tín hiệu tăng mạnh ở 1 phiên sau đó chứng lại và lại tiếp tục tăng mạnh ở phiên kế tiếp tạo một trend đảo chiều ngắn hạn. Thanh khoản ở mức thấp 17 ngàn tỷ không quá đáng lo ngại và có thể kỳ vọng chỉ số Vnindex vượt ngưỡng 1300 thành công trong thời gian tới. Phiên thứ 6 sẽ có nhiều hàng về tài khoản T3 có thể gặp áp lực chốt ngắn hạn. Đây là cơ hội để nhà đầu tư cơ cấu lại danh mục sau nhịp hồi hơn 70 điểm trong tuần này.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
REE	52.8	3.1	50	23	Mua quanh 50 - 51	7/12/2021	3.5%
GVR	31.5	3.3	28	65	Chờ tín hiệu hồi, mua quanh 28-29	7/12/2021	7.1%
HCM	46.7	(3.2)	44	65	Chờ tín hiệu mua, quanh 44-46	7/12/2021	3.8%
VCI	49.5	(6.6)	50	60	Chờ tín hiệu mua, quanh 48-50	7/12/2021	-3.9%
SSI	52.2	(2.8)	45	70	Mua quanh 50-51	7/12/2021	4.4%
MBB	28.4	(3.2)	25	35	Nằm giữ, mua thêm quanh 25	7/12/2021	-2.1%
OCB	28.6		27	40	Chờ tín hiệu mua, quanh 25-27	7/12/2021	5.9%
TCB	51.1	(1.9)	52	30	Nằm giữ, mua thêm quanh 48-50	7/12/2021	-3.6%
CTG	33.5	(4.3)	35	22	Chờ tín hiệu mua, quanh 30-33	7/12/2021	-1.5%
HPG	47.2	1.5	45	44	Nằm giữ, mua thêm quanh 45	7/12/2021	4.9%
STB	28.0	(2.8)	27	25	Chờ tín hiệu mua, quanh 27-28	7/12/2021	0.0%
DGW	141.4	6.7	120	50	Nằm giữ	3/3/2021	41.4%
MWG	165.2	(1.1)	130	150	Nằm giữ	2/3/2021	29.6%

Tổng hợp kết quả kinh doanh Q2.2021

	Số Doanh Nghiệp	Doanh thu 6T.2020	Doanh thu 6T.2021	%	Lợi Nhuận 6T.2020	Lợi Nhuận 6T.2021	%
Bán lẻ L2	5	8,657	13,417	55.0%	36.2	278.4	668%
Bảo hiểm L2	2	2,659	2,646	-0.5%	233.6	287.2	23%
Bất động sản L2	20	3,448	3,393	-1.6%	1,028.1	1,257.9	22%
Công nghệ Thông tin L2	3	511	13	-97.5%	10.9	13.0	20%
Dầu khí L2	1	628	28	-95.6%	86.6	(15.2)	-118%
Dịch vụ tài chính L2	5	625	1,458	133.2%	31.5	757.1	2302%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt L2	44	28,994	27,435	-5.4%	2,247.8	2,114.1	-6%
Du lịch và Giải trí L2	9	2,818	2,340	-17.0%	(59.9)	47.1	-179%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp L2	47	14,818	16,639	12.3%	856.6	921.8	8%
Hàng cá nhân & Gia dụng L2	10	5,783	6,521	12.8%	321.8	346.7	8%
Hóa chất L2	20	9,494	13,283	39.9%	1,129.4	1,361.5	21%
Ngân hàng L2	4	1,462	2,548	74.2%	500.0	1,116.2	123%
Ô tô và phụ tùng L2	3	2,014	2,635	30.8%	103.9	195.2	88%
Tài nguyên Cơ bản L2	26	28,937	45,900	58.6%	740.3	3,440.8	365%
Thực phẩm và đồ uống L2	26	14,599	17,546	20.2%	1,065.4	996.5	-6%
Truyền thông L2	12	1,061	1,590	49.9%	120.6	151.9	26%
Viễn thông L2	0	-	-		-	-	
Xây dựng và Vật liệu L2	62	13,500	15,614	15.7%	649.9	1,048.4	61%
Y tế L2	8	2,015	2,038	1.2%	150.0	148.4	-1%
Tổng Cộng	307	142,023	175,042	23.2%	9,252.8	14,466.9	56%

Mã CK	Ngành	DT 6T.2020	DT 6T.2021	%	LN 6T.2020	LN 6T.2021	%	EPS
HSG	Tài nguyên Cơ bản L2	12,355	19,946	61%	382.1	1,606.9	321%	5,342
NKG	Tài nguyên Cơ bản L2	4,766	11,862	149%	58.8	1,166.3	1884%	5,075
DNH	Điện, nước & xăng dầu khí đốt L2	711	1,198	68%	275.2	664.4	141%	2,499
KLB	Ngân hàng L2	550	1,227	123%	82.2	606.9	639%	2,011
DGC	Hóa chất L2	3,096	3,988	29%	444.2	605.6	36%	6,239
DBC	Thực phẩm và đồ uống L2	4,605	5,070	10%	750.1	579.9	-23%	10,675
PDR	Bất động sản L2	1,182	1,124	-5%	279.1	503.3	80%	2,966
HT1	Xây dựng và Vật liệu L2	3,767	4,001	6%	313.1	335.4	7%	1,671
SCS	Du lịch và Giải trí L2	328	408	24%	221.2	287.7	30%	9,163
VBB	Ngân hàng L2	200	479	140%	229.4	260.1	13%	731
PPC	Điện, nước & xăng dầu khí đốt L2	4,500	2,297	-49%	415.0	258.7	-38%	2,610
VDS	Dịch vụ tài chính L2	165	520	216%	13.0	249.0	1813%	3,857
DGW	Bán lẻ L2	4,893	9,224	89%	93.1	223.2	140%	8,638
SZC	Bất động sản L2	274	403	47%	125.2	190.6	52%	2,514
EVS	Dịch vụ tài chính L2	176	378	115%	3.8	178.1	4648%	3,860
HND	Điện, nước & xăng dầu khí đốt L2	6,151	4,613	-25%	745.8	177.0	-76%	1,766
DRC	Ô tô và phụ tùng L2	1,592	2,117	33%	80.7	169.9	111%	2,871
ABI	Bảo hiểm L2	826	871	5%	146.5	167.2	14%	7,740
CAV	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp L2	4,456	5,555	25%	194.7	165.7	-15%	6,328
NTC	Bất động sản L2	92	127	38%	141.3	163.5	16%	12,624
AGR	Dịch vụ tài chính L2	108	194	79%	42.5	157.9	271%	1,001
PGB	Ngân hàng L2	401	534	33%	88.3	140.1	59%	739
NT2	Điện, nước & xăng dầu khí đốt L2	3,599	3,265	-9%	428.0	139.5	-67%	1,170
AVC	Điện, nước & xăng dầu khí đốt L2	95	293	209%	(17.3)	139.3		4,766
DVP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp L2	237	299	26%	139.4	133.0	-5%	5,781

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

VHC	5.60
NTL	5.88
ITA	5.99
GIL	6.35
DXG	6.55
FUCVREIT	6.60
CCL	6.61
BCG	6.67
TCO	6.69
PHC	6.80
DIG	6.82
TSC	6.84
ILB	6.85
DAH	6.88
SZC	6.89
IJC	6.92
TMS	6.92
BMI	6.92
PTL	6.94
CRE	6.94
HVH	6.96
KDH	6.96
SCR	6.99
CCI	6.99

Top tăng giá HNX

PVS	5.73
TNG	5.97
CTC	6.06
PVC	6.10
HUT	6.85
PCG	6.90
FID	6.90
MCO	6.90
SD4	6.98
AAV	7.76
ACM	8.33
ITQ	8.51
KSD	8.82
CEO	8.86
DL1	9.68
VC9	9.88

OCB - Ngân hàng TMCP Phương Đông - Ngày 02/8 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 03/8. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 4:1 (cổ đông sở hữu 4 cổ phiếu được nhận 1 cổ phiếu mới), tương đương OCB sẽ phát hành thêm gần 274 triệu cổ phiếu mới trong đợt này.

HSG - CTCP Tập đoàn Hoa Sen – Quý 3 doanh thu ước đạt 12.986 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế ước đạt 1.701 tỷ đồng, tăng trưởng 90% và 435% so với cùng kỳ NĐTC 2019 – 2020.

Lũy kế 9 tháng doanh thu ước đạt 32.932 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế ước đạt 3.371 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 72% và 381% so với cùng kỳ.

RAL - CTCP Bông đèn Phích nước Rạng Đông - Quý 2 doanh thu thuần đạt 1.143 tỷ đồng tăng 23% so với cùng kỳ, sau khi trừ chi phí Rạng Đông lãi sau thuế gần 80 tỷ đồng, tăng 27% so với quý 2/2020.

Lũy kế 6 tháng RAL đạt 2.675 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 31% so với cùng kỳ, LNST đạt gần 190 tỷ đồng, tăng gần 39% so với nửa đầu năm 2020.

IJC - CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Quý 2 doanh thu thuần đạt 562 tỷ đồng, cao gấp 2,5 lần cùng kỳ; Sau khi trừ chi phí IJC lãi ròng gần 177 tỷ đồng, cao gấp 4,4 lần cùng kỳ, EPS đạt 771 đồng.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2021, IJC đạt 1.978 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 28% so với cùng kỳ, LNST đạt 469 tỷ đồng, cao gấp 3 lần nửa đầu năm ngoái.

ANV - CTCP Nam Việt - Quý II/2021, ANV ghi nhận doanh thu đạt 1.074,4 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 23,7 tỷ đồng, lần lượt tăng 21,5% và giảm 26,2% so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2021, ANV ghi nhận doanh thu đạt 1.780,2 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 87,5 tỷ đồng, lần lượt tăng 5% và 15,9% so với cùng kỳ năm trước.

LCG - Công ty cổ phần Licogi 16 - Quý II/2021, LCG ghi nhận doanh thu đạt 836,4 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 73,1 tỷ đồng, lần lượt giảm 0,9% và tăng 10,3% so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2021, LCG ghi nhận doanh thu đạt 1.306,6 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 130,5 tỷ đồng, lần lượt tăng 3,9% và 65,6% so với cùng kỳ năm trước.

PLX - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – Đã thông qua việc triển khai bán tiếp 8 triệu cổ phiếu quỹ theo phương thức khộp lệnh. Chi tiết sẽ được thông báo sau.

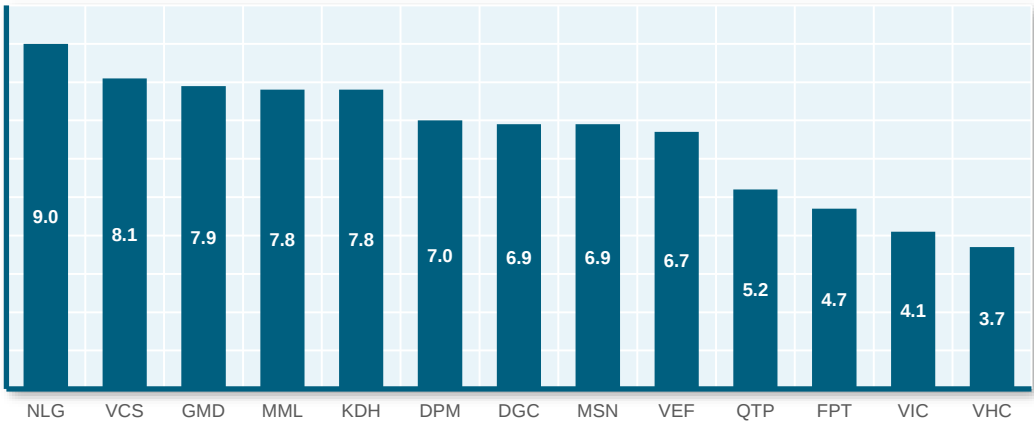


Kế hoạch tăng vốn các ngân hàng

Ngân hàng	Tỷ lệ	Hình thức	Nội dung	Vốn tăng lên
VCB	8%	Tiền mặt	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước	50,000
	27.60%	Cổ phiếu		
CTG	29%	Cổ phiếu	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019	48,000
	12.6% - 17.7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
	5%	Tiền mặt	Cổ tức năm 2020	
BID	5.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	48,524
	7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
MBB	35%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	38,676
ACB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	27,019
SHB	10%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	26,674
	10.50%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
HDB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	20,111
VIB	40%	Cổ phiếu	Cổ tức thương	16,000
MSB	30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	15,275
SSB	9.12%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,700
OCB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,449
BAB	6.30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	7,530
NAB	10.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	4,564
KLB	13%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,653
SGB	5%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,234



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
ABB	UPCOM	19.7	1,509,569	8.9	1.2	-	-	11,255	30.00	2,218	16,320
ACB	HOSE	34.1	7,161,900	7.7	1.9	261,400	261,400	92,136	30.00	4,419	17,547
BAB	UPCOM	22.0	78,109	23.4	1.8	-	-	15,587	-	939	12,064
BID	HNX	41.0	1,700,900	19.5	2.0	160,500	508,600	164,903	16.72	2,103	20,453
CTG	HOSE	33.5	13,304,000	7.0	1.4	661,600	2,177,600	160,993	24.59	4,761	24,665
EIB	HOSE	27.0	305,700	37.9	2.0	6,900	-	33,195	29.77	713	13,822
HDB	HOSE	32.4	2,413,500	8.0	2.0	165,500	500,300	51,638	17.97	4,066	16,572
LPB	UPCOM	23.5	3,985,000	10.5	1.7	300	157,800	25,254	3.34	2,239	14,059
MBB	HOSE	28.4	10,204,100	7.3	1.5	1,667,000	1,005,400	107,115	21.84	3,912	19,196
MSB	HOSE	28.0	9,514,700	11.5	1.8	-	3,295,400	32,900	29.99	2,436	15,368
NVB	HNX	17.7	1,199,575		1.7	44,000	8,200	7,200	8.73	27	10,532
OCB	HOSE	28.6	4,288,900	8.6	1.7	76,700	44,300	31,288	15.00	3,341	16,848
SHB	HNX	27.2	8,064,047	13.5	1.9	-	2,700	52,375	3.98	2,013	14,631
SSB	HOSE	41.0	2,105,800	30.8	3.5	-	-	49,559	-	1,331	11,769
STB	HOSE	28.0	16,617,400	18.7	1.7	961,800	316,000	50,502	14.33	1,495	16,485
TCB	HOSE	51.1	13,886,900	12.5	2.3	227,700	227,700	179,101	22.49	4,074	22,566
TPB	HOSE	33.9	6,179,900	7.8	1.9	700	-	36,276	30.00	4,354	17,399
VCB	HOSE	100.3	1,455,800	17.6	3.7	547,400	267,700	372,000	23.60	5,708	27,234
VIB	HOSE	41.7	1,200,700	7.9	2.4	35,000	1,300	64,766	20.39	5,297	17,420
VPB	HOSE	60.8	6,636,500	13.1	2.7	-	27,900	149,249	19.22	4,628	22,811
			111,813,000	14.32	2.03	4,816,500	8,802,300	1,687,292		3,004	17,388



Thống kê nhóm cổ phiếu chứng khoán:

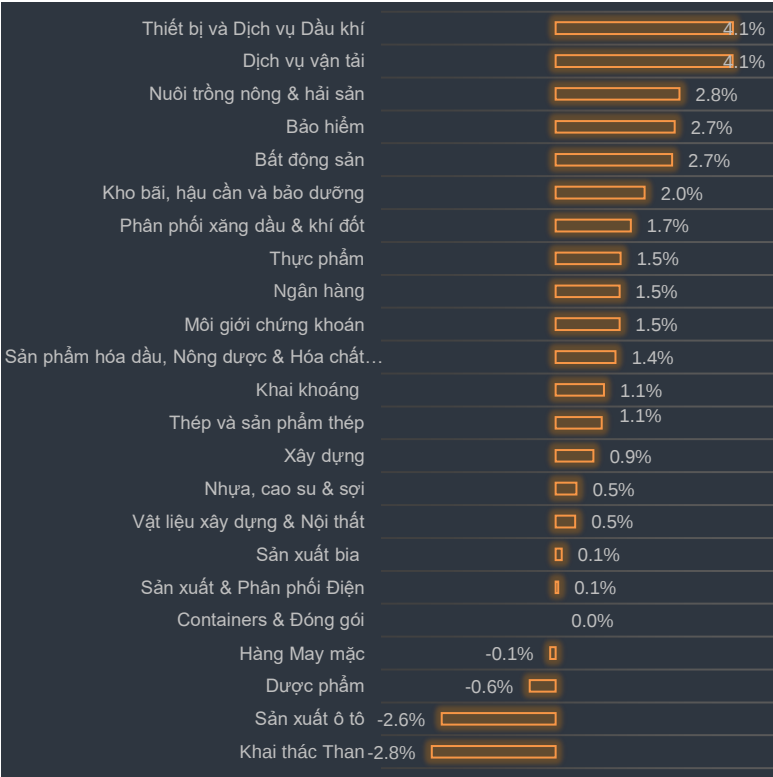
Mã CK	Sàn CK	Giá	Vol3t	Vốn Hóa	EPS	PE	P/Bv	BV	%
SSI	UPCOM	52,200	14,731,086	34,186,543	2,552.8	20.4	2.95	17,724	1.36
VCI	UPCOM	49,500	3,092,516	16,483,500	2,829.4	17.5	1.67	29,655	1.02
HCM	HNX	46,700	6,252,464	14,230,202	2,674.9	17.5	2.99	15,612	1.19
VND	UPCOM	43,200	6,878,678	9,267,034	5,308.7	8.1	2.06	20,939	4.35
SHS	UPCOM	40,000	9,156,270	8,290,728	4,994.5	8.0	2.23	17,951	1.52
MBS	UPCOM	29,200	2,696,562	7,814,121	1,279.0	22.8	2.22	13,147	1.74
FTS	HOSE	34,000	558,245	5,017,251	2,841.6	12.0	1.92	17,751	1.19
VIX	HNX	20,400	4,447,091	2,599,081	5,259.2	3.9	1.26	16,190	(0.25)
AGR	HOSE	12,500	3,304,082	2,639,999	572.1	21.8	1.28	9,775	0.81
BSI	UPCOM	20,600	2,049,626	2,504,356	2,051.4	10.0	1.62	12,711	0.98
ORS	HNX	22,400	1,356,713	2,240,000	1,516.4	14.8	2.12	10,574	0.90
VDS	HOSE	22,900	1,179,727	2,401,642	3,383.2	6.8	1.78	12,884	1.56
CTS	HOSE	20,400	2,026,600	2,170,552	2,444.1	8.3	1.47	13,885	2.00
TVS	HOSE	25,700	137,827	2,524,644	4,714.3	5.5	1.73	14,852	0.78
BVS	UPCOM	27,200	1,317,157	1,963,844	3,033.8	9.0	1.01	26,909	2.64
EVS	HOSE	32,000	394,428	1,920,013	2,382.6	13.4	2.26	14,167	-
SBS	HOSE	12,300	3,623,016	1,557,918	25.2	488.9	7.49	1,643	1.65
PHS	HOSE	13,000	1,283	1,170,000	828.3	15.7	1.15	11,291	-
TVB	HOSE	14,900	858,423	1,060,044	1,973.7	7.5	1.28	11,645	1.36
ART	HNX	8,700	5,736,345	843,226	269.8	32.2	0.76	11,459	2.35
TCI	UPCOM	13,400	312,491	663,300	2,331.0	5.7	1.10	12,235	0.75
IVS	UPCOM	8,500	119,640	589,475	352.2	24.1	0.86	9,862	3.66
BMS	UPCOM	13,000	114,228	650,000	1,808.9	7.2	1.00	12,977	-
APS	HOSE	11,600	2,205,274	452,400	2,395.8	4.8	1.04	11,126	0.87
PSI	UPCOM	8,800	214,634	526,603	182.9	48.1	0.84	10,519	2.33



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	PAC	HOSE	12/8/2021	13/08/2021	27/08/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	SBH	UPCoM	10/8/2021	11/8/2021	31/08/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	SAL	UPCoM	5/8/2021	6/8/2021	24/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 445 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	VLP	UPCoM	30/07/2021	2/8/2021	31/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	DNE	UPCoM	29/07/2021	30/07/2021	30/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 850 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	VC3	HNX	29/07/2021	30/07/2021		Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 1000:95	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
7	TLG	HOSE	27/07/2021	28/07/2021	12/8/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	DHC	HOSE	23/07/2021	26/07/2021	5/10/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	DHC	HOSE	23/07/2021	26/07/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 4:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
10	SSB	HOSE	23/07/2021	26/07/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:9.1206	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
11	PMB	HNX	23/07/2021	26/07/2021	16/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	CSV	HOSE	23/07/2021	26/07/2021	13/08/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	NAU	UPCoM	23/07/2021	26/07/2021	10/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 81 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	VLW	UPCoM	23/07/2021	26/07/2021	11/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	BRR	UPCoM	23/07/2021	26/07/2021	30/07/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	TN1	HOSE	23/07/2021	26/07/2021	11/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	TN1	HOSE	23/07/2021	26/07/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:45	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	SIP	UPCoM	23/07/2021	26/07/2021	5/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	BCM	HOSE	22/07/2021	23/07/2021	6/9/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	DDH	UPCoM	22/07/2021	23/07/2021	6/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	BLT	UPCoM	22/07/2021	23/07/2021	3/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 3,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	TLT	UPCoM	22/07/2021	23/07/2021	23/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	VCC	HNX	22/07/2021	23/07/2021	10/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	LKW	UPCoM	22/07/2021	23/07/2021	23/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	LPB	HOSE	21/07/2021	22/07/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:12	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
26	ICN	UPCoM	21/07/2021	22/07/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:25	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
27	HLB	UPCoM	21/07/2021	22/07/2021	30/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	NBT	UPCoM	21/07/2021	22/07/2021	2/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

Tăng giảm ngành trong ngày



Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản:

CEO, AAV, PTL

Xây dựng:

VC9, , SD4, HUT

Dầu khí:

PCG, PVC, PVS

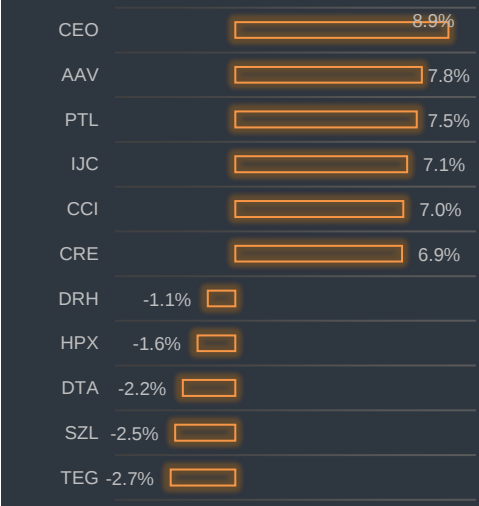
Chứng khoán:

APG, IVS, HBS

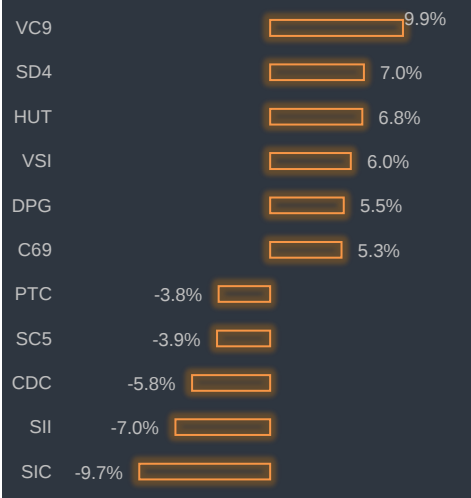
Ngân hàng:

EIB, NVB, OCB

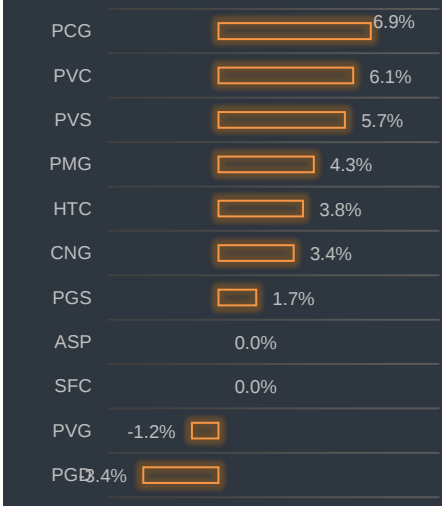
Bất động sản



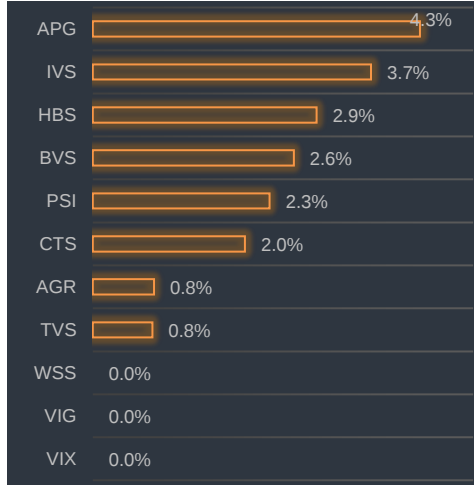
Xây dựng



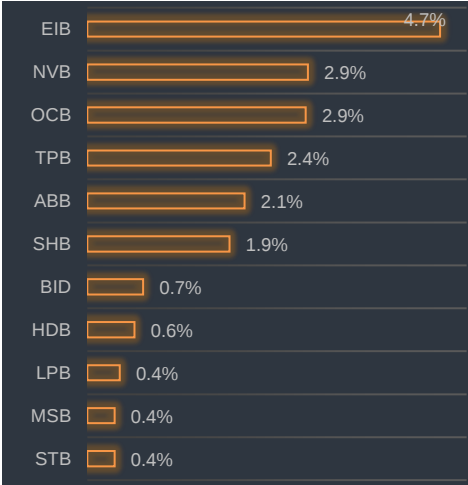
Dầu khí



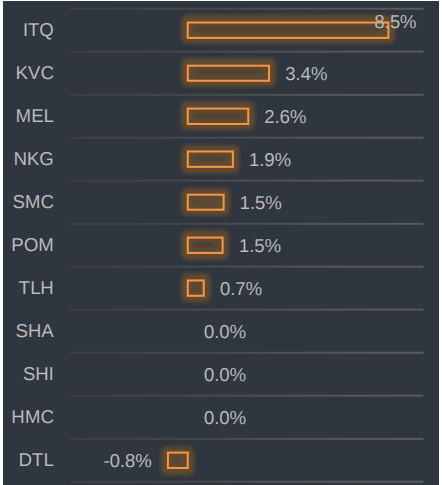
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931